



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Môi trường và con người (02401) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi) - Tổ 002
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV323

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333038	NGUYỄN THỊ HẢI	HÀ	16/04/89		✓	
2	07333041	TÀI NGỌC	HÀ	04/05/88	Ngô	5	năm
3	07333214	LÊ VŨ	HẢI	10/11/88	Chal	7	bảy
4	07333047	DƯƠNG THỊ	HÀNH	20/10/87	Đ	6	sex
5	07333045	ĐẶNG ĐỨC	HÀNH	06/09/89	Đức	6	Đức
6	07333048	ĐỖ THỊ	HÀNH	19/10/88	Đỗ	7	bảy
7	07333050	PHAN THỊ THU	HÀNG	08/05/89	Thu	4	bốn
8	07333052	LÊ PHƯỚC	HIỀN	07/05/89	Ph	4	bốn
9	07333055	HỒ THỊ THANH	HOA	10/10/89		✓	
10	07333056	NGUYỄN HIẾU	HÒA	02/01/89	Ng	6	Đức
11	07333057	HUYỀN NGỌC	HOÀI	01/01/88	Ng	7	bảy
12	07333058	NGUYỄN HUY	HOÀNG	05/12/89		✓	
13	07333059	NGÔ THỊ	HUỆ	30/09/88	Ng	5	năm
14	07333063	BÙI TUẤN	HÙNG	16/12/88		✓	
15	07333066	DƯƠNG NHỰT	HUY	06/03/89	Ng	7	bảy
16	07333065	NGUYỄN HỮU	HUY	09/07/88		✓	
17	07333067	NGUYỄN THÀNH	HUY	09/07/89	Ng	5	năm
18	07333068	TRẦN NGUYỄN HẠ	HUYỀN	06/01/88	Ng	5	năm
19	07333069	ĐẶNG THỊ	HƯƠNG	10/10/86	Ng	4	bốn
20	07333070	PHẠM THỊ	HƯƠNG	25/02/89	Ph	7	bảy
21	07333071	LÊ THỊ THU	HƯỜNG	04/07/89	Thu	5	năm
22	07333072	LÊ HOÀNG	KHANH	1 / 88	Ng	5	năm
23	07333073	PHAN VĂN	KHÔI	28/10/88	Ph	4	bốn
24	07333074	BÙI DUY	KHƯƠNG	15/09/89	B	5	năm
25	07333075	NGUYỄN VĂN	KỶ	10/12/86	Ng	3	ba
26	07333076	NGUYỄN THỊ	LAN	17/02/87	Ng	6	Đức
27	07333077	PHẠM THỊ	LAN	14/11/88	Ph	6	Đức
28	07333078	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LANH	18/07/88	Ng	6	Đức
29	07329061	VÕ THANH	LÂM	24/09/89	Ng	4	bốn
30	07333079	VÕ THÀNH TRÚC	LÂM	22/09/89	Ng	5	năm
31	07333080	LỮ DUY	LÂN	19/07/87	L	6	Đức
32	07333083	DƯƠNG THỊ	LIÊM	13/12/88	Ng	6	sex
33	07333084	LÊ THỊ	LIÊN	22/05/87		✓	
34	07333085	NGUYỄN THỊ	LIÊN	25/09/89		✓	
35	07333086	TRẦN THỊ TRÚC	LIÊN	28/06/88	Tr	6	sex
36	07333089	ĐINH THỊ THÚY	LINH	04/11/89	Ng	6	Đức

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Môi trường và con người (02401) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi) - Tổ 002

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07333088	LÊ NGỌC LINH	10/11/86		<i>Linh</i>	4	bốn
38	07333090	LÊ THỊ TỔ	25/11/88		<i>Tô</i>	5	năm
39	07333091	VĂN THỊ TRÚC	06/06/89			✓	
40	07333094	DƯƠNG THỊ	05/05/89		<i>Thị</i>	5	năm
41	07333092	TRƯƠNG THỊ HỒNG	04/02/87		<i>Hồng</i>	5	năm
42	07333095	TRẦN PHÚC	06/87		<i>Phúc</i>	4	bốn
43	07333216	NGUYỄN THỊ	28/08/89		<i>Thị</i>	4	bốn
44	07333098	NGUYỄN THỊ	26/09/89		<i>Thị</i>	6	sáu
45	07333099	TRỊNH THỊ	15/02/88		<i>Thị</i>	5	năm
46	07333100	VŨ THỊ	27/09/88		<i>Thị</i>	4	bốn
47	07333103	BÙI NGỌC	20/09/88		<i>Ngọc</i>	4	bốn
48	07333104	LÊ HUỖNH HIỀN	24/09/89		<i>Hiền</i>	6	sáu
49	07333107	MAI THỊ	18/08/89		<i>Thị</i>	7	bảy
50	07333106	NGUYỄN THỊ NGỌC	07/02/87		<i>Ngọc</i>	6	sáu
51	07333108	PHẠM KIM	25/01/89			✓	
52	07333110	NGUYỄN THỊ THU	02/09/88		<i>Thu</i>	4	bốn
53	07333111	TRẦN THỊ THANH	01/05/87		<i>Thanh</i>	6	sáu
54	07333113	HỒ THỊ	15/10/89		<i>Thị</i>	7	bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 45 Số bài: 45 Sở từ: _____

Ngày 8 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *Ngô Văn Tạng* Cán bộ coi thi 2 *Dương Thị Dung*

Xác nhận của bộ môn *Thị* Cán bộ chấm thi 1 *Thị* Cán bộ chấm thi 2 _____

Lê Ngọc Thông

Nguyễn Thị Mai



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Môi trường và con người (02401) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV319

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333002	ĐĂNG TUẤN	ANH	16/07/88	Anh	5	năm
2	07333003	TRƯƠNG PHƯỚC THIÊN	ÂN	04/07/89	Anh	15	năm
3	07333005	NGUYỄN THỊ BÉ	BÁY	19/02/86	Vàng	6	bảy
4	07333006	LƯU KIM	BÌNH	28/01/87	Anh	6	bảy
5	07333007	NGUYỄN THỊ NHẢ	BÌNH	18/07/88	Anh	17	bảy
6	07333010	LÊ VĂN	CÂN	21/06/89	Vàng	4	bảy
7	07333011	NGUYỄN TRẦN	CHÂU	27/10/89	Anh	6	bảy
8	07333015	NGUYỄN VĂN	CHỌN	02/02/89	Anh	16	bảy
9	07333016	HUYNH ANH	CHỨC	10/10/89	Vàng	6	bảy
10	07333017	NGUYỄN THANH	CHỨC	27/09/87	Anh	5	năm
11	07333018	HỒ PHÚC	CÔNG	11/02/89	Anh	7	bảy
12	07333020	ĐỖ CÔNG	DANH	09/11/88	Anh	5	năm
13	07333021	TRẦN HẠNH	DIỆU	06/04/88	Anh	8	tám
14	07333023	CẦN KIM	DỪNG	05/10/89	Anh	6	năm
15	07333024	HUYNH THANH	DỪNG	25/04/89	Anh	4	bảy
16	07333028	NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	15/04/89	Anh	4	bảy
17	07333027	TỬ NGỌC	DUY	04/01/87	Anh	4	bảy
18	07333026	VIỆC LỮ MINH	DUY	17/06/89	Anh	4	bảy
19	07333030	NGUYỄN NGỌC	DUYÊN	30/12/88	Anh	14	bảy
20	07333031	NGUYỄN HỮU	DUYÊN	01/10/86	Vàng	5	năm
21	07333032	HUYNH THỊ NGỌC	ĐANG	08/02/89	Vàng	4	bảy
22	07333033	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	07/07/89	Anh	5	năm
23	07333035	NGUYỄN HẢI	ĐƯỜNG	22/07/88	Anh	4	bảy
24	07333036	TẠ VĂN	ĐƯỜNG	04/05/89	Anh	5	năm
25	07333037	TRẦN THỊ NGỌC	GIÁU	01/10/89	Anh	7	bảy
26	07333043	HOÀNG VIỆT	HÀ	15/12/88	Anh	7	bảy
27	07333039	HỒ THỊ NGỌC	HÀ	24/02/89	Anh	6	năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Số tờ: 22

Ngày 8 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Môi trường và con người (02401) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi) - Tổ 003
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV327

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333114	VÕ VĂN TẤN	NHẬT	06/05/89		6	Sau
2	07333115	MAI ĐÌNH	NHU	19/11/87		5	Năm
3	07333118	LÊ TUYẾT	NHUNG	17/01/89		Vòng	
4	07333116	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	/04/88		4	bên
5	07333117	TRƯƠNG THỊ CẨM	NHUNG	11/04/89		6	Sau
6	07333119	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	07/11/89		5	Năm
7	07333120	NGUYỄN THỊ THANH	NỮ	30/12/88		7	bảy
8	07333121	DƯƠNG NỮ KIỀU	OANH	01/06/89		5	Năm
9	07333123	ĐOÀN DUY	PHONG	23/04/89		5	Năm
10	07333124	TRẦN TẤN	PHÚC	14/08/88		5	Năm
11	07333130	LÊ THỊ MAI	PHƯƠNG	25/09/88		5	Năm
12	07333128	NGUYỄN ANH	PHƯƠNG	10/05/88		4	bên
13	07333131	NGUYỄN TRẦN TRÚC	PHƯƠNG	23/10/88		7	bảy
14	07333132	NGUYỄN VĂN	QUANG	10/04/88		7	bảy
15	07333133	ĐẶNG THẾ	QUÂN	01/07/88		7	bảy
16	07333134	ĐỖ TƯỜNG	QUÂN	16/02/88		4	bên
17	07333136	ĐÀU VIỆT	QUỐC	08/08/88		6	Sau
18	07333135	NGUYỄN ANH	QUỐC	17/11/88		7	bảy
19	07333137	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	01/06/88		6	Sau
20	07333138	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	05/07/89		7	bảy
21	07333139	NGUYỄN THẾ	QUYÊN	04/01/88		8	tám
22	07333141	NGUYỄN LÊ	SƠN	20/11/89		5	Năm
23	07333143	HỒ HỮU	TÀI	06/11/88		4	bên
24	07333147	LÊ TẤT	TÀI	04/08/88		5	Năm
25	07333145	NGUYỄN PHƯỚC	TÀI	10/01/88		6	Sau
26	07333146	NGUYỄN TẤN	TÀI	23/02/89		4	bên
27	07333148	ĐẶNG HOÀI	TÂM	12/12/88		6	Sau
28	07333149	PHẠM THANH	TÂM	/ / 88		4	bên
29	07333150	ĐÌNH VĂN	TÂN	05/07/88		6	Sau
30	07333151	TRẦN THỊ KIM	THANH	13/12/89		4	bên
31	07333155	BÙI VĂN	THẢO	15/10/89		5	Năm
32	07333156	LÊ VĂN	THẢO	20/12/88		6	Sau
33	07333152	TRẦN THỊ KIM	THẢO	13/09/87		4	bên
34	07333154	VƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	21/12/89		7	bảy
35	07333159	HUỲNH	THÔNG	29/01/89		4	bên
36	07333160	TRẦN THỊ	THÔNG	12/09/87		5	Năm

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Môi trường và con người (02401) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi) - Tổ 003

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07333161	TRƯƠNG THIÊN THỜI	01/05/86		<i>Thy</i>	3	ba
38	07333164	LÊ THỊ XUÂN	30/04/89		<i>Phu</i>	6	sáu
39	07333165	NGUYỄN HỮU THUẬN	02/07/89		<i>Huu</i>	6	sáu
40	07333167	NGUYỄN THỊ HỒNG	16/09/89		<i>Ph</i>	5	năm
41	07333170	NGUYỄN THỊ THÚY	22/06/89		<i>Thy/Huy</i>	5	năm
42	07333169	NGUYỄN THỊ HỒNG	10/01/89		<i>nh</i>	6	sáu
43	07333173	TRẦN BẢO DUY	05/09/89		<i>Thuy</i>	5	năm
44	07333174	CẨM BÀ	07/07/88		<i>Thuy</i>	4	bốn
45	07333176	LÊ QUANG TIỆP	21/05/89		<i>Quin</i>	3	ba
46	07333177	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	02/10/89		<i>Quin</i>	4	bốn
47	07333179	LÃ THU TRANG	25/08/88		<i>Th</i>	7	bảy
48	07333215	LÊ THỊ YẾN	23/10/88		<i>Thong</i>	6	sáu
49	07333183	NGUYỄN NHẬT TRẦN	01/04/89		<i>nhathien</i>	6	sáu
50	07333184	ĐẶNG THỊ TREO	07/07/88		<i>Th</i>	5	năm
51	07333186	HOÀNG VẤN TRÍ	01/01/89		<i>Th</i>	6	sáu
52	07333185	LƯƠNG MINH TRÍ	19/09/89			Vắng	
53	07333187	NGUYỄN HOÀI TRINH	07/10/89		<i>Thuy</i>	5	năm
54	07333188	NGUYỄN THÀNH TRUNG	13/05/87		<i>Th</i>	4	bốn
55	07333189	HUỲNH NGỌC TRỰC	10/07/87		<i>Thuy</i>	6	sáu
56	07333191	LÊ CẨM TÚ	01/04/88		<i>Th</i>	5	năm
57	07333192	NGUYỄN HOÀI TUẤN	01/01/89			Vắng	
58	07333193	NGUYỄN THANH TÙNG	09/01/89		<i>Thuy</i>	7	bảy
59	07333194	TRẦN THỊ BÍCH TUYẾN	02/03/88		<i>Thuy</i>	7	bảy
60	07333197	TRƯƠNG THỊ TINH TƯƠNG	09/03/88		<i>Thuy</i>	7	bảy
61	07333198	HUỲNH ANH KIM UYÊN	25/11/89			Vắng	
62	07333200	TRƯƠNG LÊ TỔ UYÊN	08/09/88		<i>Thuy</i>	8	tám
63	07333203	VƯƠNG NGUYỄN VI	18/06/88			Vắng	
64	07333204	LÊ ANH VIÊN	14/04/88		<i>Thuy</i>	8	tám
65	07333208	TRỊNH MINH VŨ	02/08/89			Vắng	
66	07333210	NGUYỄN THUY MỘNG VY	06/10/88		<i>Thuy</i>	6	sáu
67	07333211	BÙI THỊ NGỌC XUÂN	11/10/89		<i>Thuy</i>	5	sáu
68	07333212	NGUYỄN THỊ NGỌC XUÂN	21/06/87			Vắng	

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 64 Số bài: 61 Sở từ: _____

Ngày 8 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Vũ Thị Nga Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Văn Đu

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Thư
Le Ngọc Thông

Thư
Nguyễn Thị Núi